

Phụ lục

CHUYỂN NGUỒN NGUỒN TĂNG THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT
VÀ NGUỒN THUỜNG XUYÊN TIẾT KIỆM NĂM 2022 SANG NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /2023 của UBND huyện Tuy Phước)

ĐVT: đồng

TT	Nội dung chi	Quyết định số 5592/QĐ-UBND ngày 07/7/2023	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Số kinh phí sau điều chỉnh	Ghi chú
	NGUỒN TIỀN ĐẤT TRỒNG LÚA	21.963.000.000	13.528.226.000	13.528.226.000	21.963.000.000	
1	Đường bê tông giao thông nông thôn. Tuyến: Cống Hạ thế Đ2 - Ruộng Đặng Thị Trinh, xã Phước Quang	150.000.000		250.000.000	400.000.000	xã Phước Quang
2	Đường bê tông giao thông nông thôn. Tuyến: Ngã 3 BTXM - Cống đôi và Góc đông - Bờ đê, xã Phước Quang	150.000.000		250.000.000	400.000.000	xã Phước Quang
3	Đường bê tông giao thông nông thôn. Tuyến: ĐT636 Nhà 2 Định - An Cửu (Phước Hưng), xã Phước Quang	150.000.000		200.000.000	350.000.000	xã Phước Quang
4	Đường bê tông giao thông nông thôn. Tuyến: Ruộng Chinh - Bờ Phở, xã Phước Quang	150.000.000		200.000.000	350.000.000	xã Phước Quang
5	Đường bê tông giao thông nông thôn. Tuyến: Nhà Nguyễn Trọng Tuấn - Kho đội 11, xã Phước Quang	150.000.000		200.000.000	350.000.000	xã Phước Quang
6	Đường bê tông giao thông nông thôn. Tuyến: Nhà ông Tiền - đám Pháp, xã Phước Quang	150.000.000		250.000.000	400.000.000	xã Phước Quang
7	Đường bê tông giao thông nông thôn. Tuyến: Chùa Quảng Điền - Gò Pháp, xã Phước Quang	150.000.000		300.000.000	450.000.000	xã Phước Quang
8	Đường bê tông giao thông nông thôn. Tuyến: ĐT 636 (Lớp mẫu giáo Luật Bình) - Giáp Phước Hưng, xã Phước Quang	150.000.000		300.000.000	450.000.000	xã Phước Quang
9	Đường bê tông giao thông nông thôn. Tuyến: ĐT.636 - thôn Hữu Thành; Nhà Nguyễn Đức Long - Gò Ông Đồng và Trại vịt Ông Hương - sông Gò Chàm, xã Phước Quang	150.000.000		300.000.000	450.000.000	xã Phước Quang
10	Đường bê tông giao thông nông thôn nội đồng tuyến từ đám Nguyễn Quyền đến Gò Mối và từ Đám Đào đến đám Lô Ích, xã Phước Hiệp	250.000.000		240.000.000	490.000.000	xã Phước Hiệp
11	Đường bê tông giao thông nông thôn nội đồng Tuyến: Từ nhà Trần đến cầu Sông Tranh, xã Phước Hiệp	300.000.000		160.000.000	460.000.000	xã Phước Hiệp
12	Đường bê tông giao thông nông thôn nội đồng Tuyến từ cổng ông Sur đến Đồng Gò Oi, xã Phước Hiệp	300.000.000		150.000.000	450.000.000	xã Phước Hiệp
13	Từ nhà Văn công Cẩn đến nhà Lương Văn Quảng, xã Phước Hiệp	200.000.000		100.000.000	300.000.000	xã Phước Hiệp
14	Nạo vét, gia cố chống sạt lở Bờ ngự thủy thôn An Sơn 2, xã Phước An	600.000.000	16.125.000	-	583.875.000	xã Phước An
15	Xây dựng Bờ bạn cầu Máng thôn Đại hội, xã Phước An	600.000.000		300.000.000	900.000.000	xã Phước An
16	KCH Kênh tiêu úng Bàu Đưng (Đoạn còn lại từ Cầu Cao đến cầu Ông Đô)	1.000.000.000	1.000.000.000	-	-	xã Phước An
17	Xây dựng Nhà máy sấy lúa cho HTXNN Phước Hưng	1.000.000.000		2.000.000.000	3.000.000.000	xã Phước Hưng
18	Gia cố Bờ kênh tuyến công Mạc Long đi Nhà Châu, xã Phước Thắng	500.000.000		300.000.000	800.000.000	xã Phước Thắng
19	Xây dựng cống tiêu Đội 5 trên nhà ông Lợi, thôn Lạc Điền, xã Phước Thắng	600.000.000		380.000.000	980.000.000	xã Phước Thắng
20	Gia cố Bờ phía đông thượng lưu cầu 20 từ nhà ông Chín Viên đến nhà ông Sinh, xã Phước Nghĩa	600.000.000		180.000.000	780.000.000	xã Phước Nghĩa
21	Hỗ trợ KCH KM các xã, thị trấn	1.000.000.000		6.500.000.000	7.500.000.000	các xã, thị trấn
22	Chi hỗ trợ áp dụng giống mới, tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới trong sản xuất lúa; hỗ trợ liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm...	1.150.899.000		968.226.000	2.119.125.000	các HTX NN và Phòng Nông nghiệp và PTNT
23	Hoàn trả tiền đất bảo vệ, phát triển đất trồng lúa dự án Tuyến đường kết nối từ trung tâm thị xã An Nhơn đến ven biển phía Tây đầm Thị Nại	12.512.101.000	12.512.101.000		-	

